



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ LVA**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THƯƠNG  
MẠI VÀ  
DỊCH VỤ  
LVA**

Digitally signed by CÔNG TY  
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ  
DỊCH VỤ LVA  
DN: C=VN, S=Thành phố Hà  
Nội, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ  
LVA,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1  
.1=MST:1100105921  
Reason: I am the author of  
this document  
Location: your signing location  
here  
Date: 2026.03.20  
14:46:56+07'00'  
Foxit PDF Reader Version:  
11.1.0

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An, là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Trường học Long An theo Quyết định số 4834/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An (nay đã sáp nhập thành tỉnh Tây Ninh). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000090 ngày 12/01/2005. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 29 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/01/2026 với mã số doanh nghiệp là 1100105921 do Sở Tài chính TP Hà Nội cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 31.000.000.000 đồng.

Công ty niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 22/02/2008 theo Giấy chứng nhận số 09/GCN-TTGDHN ngày 21/01/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán LBE.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 121 Bà Triệu, Tổ 11, P. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0778.038866
- Email: info@lva.com.vn

### Lĩnh vực kinh doanh chính

- Kinh doanh thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 29 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 02 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

• Ông Trương Thanh Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
• Bà Lê Văn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
• Ông Trần Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
• Bà Đào Thị Kim Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
• Bà Bùi Thị Vân Anh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
• Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
• Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bà Phan Thị Diệu Hằng Thành viên độc lập Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025

### **Ban Kiểm soát**

- Ông Cao Văn Băng Trưởng ban Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
- Bà Nguyễn Thị Thu Thành viên Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025
- Bà Tống Thị Thanh Nga Thành viên Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2025

### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- Bà Đào Thị Kim Oanh Giám đốc Bổ nhiệm ngày 24/06/2024
- Bà Nguyễn Minh Hương Giám đốc tài chính Bổ nhiệm ngày 19/01/2024
- Bà Phạm Thị Thu Phương Kế toán trưởng Bổ nhiệm ngày 24/06/2024

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218, Đường 30/04, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC** **(tiếp theo)**

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Chủ tịch HĐQT**

**Trương Thanh Minh**

*Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2026*



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 299/2026/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 19/03/2026 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 03 năm 2026

**Nguyễn Thị Ngọc Viên – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4868-2024-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.323.536.479</b>	<b>15.799.864.675</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>17.493.416.538</b>	<b>216.698.008</b>
1. Tiền	111	5	17.493.416.538	216.698.008
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.509.872.036</b>	<b>8.861.130.694</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.830.013.120	1.830.351.152
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.860.017.274	6.998.847.850
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	2.400.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	419.841.642	31.931.692
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>18.482.889.773</b>	<b>6.428.542.971</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.482.889.773	6.428.542.971
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.837.358.132</b>	<b>293.493.002</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	8.837.358.132	293.493.002
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19.893.081.056</b>	<b>13.966.760.073</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>240.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	240.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.733.568.128</b>	<b>3.378.456.014</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.747.516.094	2.344.686.268
- Nguyên giá	222		5.564.478.055	3.972.366.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.816.961.961)	(1.627.680.151)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	986.052.034	1.033.769.746
- Nguyên giá	228		1.566.266.805	1.566.266.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(580.214.771)	(532.497.059)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.545.090.909</b>	<b>99.636.364</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.545.090.909	99.636.364
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>9.689.734.163</b>	<b>9.950.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	9.950.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.950.000.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(260.265.837)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>684.687.856</b>	<b>538.667.695</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	684.687.856	538.667.695
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>72.216.617.535</b>	<b>29.766.624.748</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.598.085.344</b>	<b>3.530.232.821</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.584.617.460</b>	<b>3.500.232.821</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	4.172.063.695	2.051.944.680
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		97.267.000	60.552.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	6.112.753.234	1.227.986.141
4. Phải trả người lao động	314		665.990.786	60.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	21.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	99.750.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	515.542.745	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.013.467.884</b>	<b>30.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	30.000.000	30.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	983.467.884	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>59.618.532.191</b>	<b>26.236.391.927</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>59.618.532.191</b>	<b>26.236.391.927</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	31.000.000.000	19.999.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.000.000.000	19.999.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	3.958.582.953	363.351.953
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	258.207.741	258.207.741
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	24.401.741.497	5.615.492.233
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.615.492.233	3.090.725.903
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.786.249.264	2.524.766.330
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>72.216.617.535</b>	<b>29.766.624.748</b>



Chủ tịch HĐQT

Trương Thanh Minh

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	131.176.468.360	30.735.417.332
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	17.527.480
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		131.176.468.360	30.717.889.852
4. Giá vốn hàng bán	11	23	33.660.055.846	24.587.178.092
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>97.516.412.514</b>	<b>6.130.711.760</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	273.837.742	29.497.332
7. Chi phí tài chính	22	25	407.386.200	78.518.609
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.192.043	-
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	70.678.783.270	1.971.741.705
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	2.740.763.153	782.883.291
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>23.963.317.633</b>	<b>3.327.065.487</b>
11. Thu nhập khác	31	27	119.455.730	30.429.448
12. Chi phí khác	32	28	361.801.272	45.014.496
13. Lợi nhuận khác	40		<b>(242.345.542)</b>	<b>(14.585.048)</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>23.720.972.091</b>	<b>3.312.480.439</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.934.722.827	787.714.109
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>18.786.249.264</b>	<b>2.524.766.330</b>
18. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	70	30	9.148	1.174
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	9.148	1.174



Chịu trách nhiệm HDQT

Trương Thanh Minh

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.720.972.091	3.312.480.439
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12;13	236.999.522	233.449.480
- Các khoản dự phòng	03		260.265.837	(163.246.370)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		36.481.160	(19.337.500)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25	(121.381.627)	(12.309.832)
- Chi phí lãi vay	06		3.192.043	-
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		24.136.529.026	3.351.036.217
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(815.093.423)	(3.455.877.480)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.054.346.802)	8.399.197.617
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.385.352.016	371.577.533
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.689.885.291)	(662.722.045)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	5.812.230.640
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.192.043)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.787.714.109)	(156.336.084)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(123.279.593)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>5.171.649.374</b>	<b>13.535.826.805</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(1.592.111.636)	(4.933.960.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	1.005.789.622
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	8	(2.400.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.950.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	2.279.163	2.309.832
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(3.989.832.473)</b>	<b>(13.875.860.546)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		14.595.891.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		3.603.935.477	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.104.924.848)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>16.094.901.629</b>	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>17.276.718.530</b>	<b>(340.033.741)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	216.698.008	556.731.749
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5	<b>17.493.416.538</b>	<b>216.698.008</b>



Chủ tịch HĐQT

Trương Thanh Minh

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An, là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Trường học Long An theo Quyết định số 4834/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An (nay đã sáp nhập thành tỉnh Tây Ninh). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000090 ngày 12/01/2005. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 29 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/01/2026 với mã số doanh nghiệp là 1100105921 do Sở Tài chính TP Hà Nội cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Kinh doanh thương mại.

#### 1.3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã hoàn thành việc cơ cấu lại hoạt động kinh doanh: chuyển giao hoạt động kinh doanh sách và thiết bị trường học cho Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh mới là kinh doanh mỹ phẩm, quần áo.

Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An đã không còn là công ty con mà trở thành công ty liên kết kể từ ngày 06/8/2025 (xem thuyết minh số 15).

#### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 01 Công ty liên kết và 01 đơn vị trực thuộc:

- Công ty liên kết: Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An.  
Địa chỉ: 39 Hai Bà Trưng, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh.  
Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh sách và thiết bị trường học.
- Đơn vị trực thuộc: Chi nhánh TP Hồ Chí Minh – Công ty CP Thương mại và Dịch vụ LVA.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hằng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Phải thu về cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### ***Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mối quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

### ***Dự phòng***

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc (nguyên vật liệu, hàng hóa) bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### ***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### ***Khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

### 4.7 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có được quyền sử dụng đất hợp pháp.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Phần mềm máy tính	8

### 4.8 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.10 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.11 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.12 Vay và các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.15 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.16 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.19 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng.**

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với mặt hàng mỹ phẩm, quần áo.  
Trong năm 2025, các mặt hàng này được áp dụng mức thuế suất 8% theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	504.588.519	130.457.143
Tiền gửi ngân hàng	16.988.828.019	86.240.865
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.493.416.538</b>	<b>216.698.008</b>

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Nguyễn Thị Thảo	342.998.500	91.044.000
Hộ kinh doanh Lê Vân Anh Fashion	250.000.000	260.000.000
Nguyễn Minh Tuấn	250.000.000	438.988.788
Nguyễn Hoàng Tuyết Mai	229.409.000	209.574.000
Các đối tượng khác	757.605.620	830.744.364
<b>Cộng</b>	<b>1.830.013.120</b>	<b>1.830.351.152</b>

### 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
ONE M GLOBAL Co.,Ltd	2.263.623.700	1.302.413.500
BEAU FORIA	182.000.000	-
Công ty TNHH Hồ Phi Long	158.552.000	-
Bkinternational	125.718.750	795.227.500
Các đối tượng khác	130.122.824	4.901.206.850
<b>Cộng</b>	<b>2.860.017.274</b>	<b>6.998.847.850</b>

### 8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Bà Nguyễn Thị Mai Phương (i)	1.000.000.000	-
Bà Trần Đặng Phương Anh (ii)	500.000.000	-
Bà Nguyễn Hoàng Tuyết Mai (iii)	300.000.000	-
Bà Nguyễn Lan Hương (iv)	600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.400.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Cho Bà Nguyễn Thị Mai Phương vay theo hợp đồng vay tiền ngày 03/03/2025 số tiền: 1.000.000.000 đồng với thời hạn cho vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 6,8%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Cho Bà Trần Đặng Phương Anh vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 22/02/2025 số tiền: 350.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đồng và Hợp đồng vay tiền ngày 08/07/2025 số tiền: 150.000.000 đồng với thời hạn cho vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 6,8%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(iii) Cho Bà Nguyễn Hoàng Tuyết Mai vay theo hợp đồng vay tiền ngày 20/02/2025 số tiền: 300.000.000 đồng với thời hạn cho vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 6,8%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(iv) Cho Bà Nguyễn Lan Hương vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 07/07/2025 số tiền: 300.000.000 đồng và Hợp đồng vay tiền ngày 14/07/2025 số tiền: 300.000.000 đồng với thời hạn cho vay là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 6,8%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

### 9. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	119.102.464	-	-	-
Công ty CP Giao hàng Tiết kiệm	59.586.193	-	31.128.192	-
Phải thu từ Tiktok	803.500	-	803.500	-
Các khoản khác	240.349.485	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>419.841.642</b>	<b>-</b>	<b>31.931.692</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	240.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>240.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### 10. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.833.534	-	21.268.926	-
Hàng hóa	18.397.379.082	-	6.318.192.503	-
Hàng gửi bán	73.677.157	-	89.081.542	-
<b>Cộng</b>	<b>18.482.889.773</b>	<b>-</b>	<b>6.428.542.971</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại ngày 31/12/2025.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2025.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công cụ dụng cụ	908.330	-
Chi phí thuê nhà	240.000.000	240.000.000
Chi phí quảng cáo	8.594.449.802	-
Chi phí trả trước khác	2.000.000	53.493.002
<b>Cộng</b>	<b>8.837.358.132</b>	<b>293.493.002</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí sửa chữa cửa hàng Bà Triệu	306.129.472	459.194.200
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	227.186.356	68.040.152
Chi phí trả trước khác	151.372.028	11.433.343
<b>Cộng</b>	<b>684.687.856</b>	<b>538.667.695</b>

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	3.928.406.419	-	43.960.000	3.972.366.419
Tăng trong kỳ	-	1.592.111.636	-	1.592.111.636
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.928.406.419</b>	<b>1.592.111.636</b>	<b>43.960.000</b>	<b>5.564.478.055</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	1.625.742.129	-	1.938.022	1.627.680.151
Khấu hao trong kỳ	153.954.612	26.535.194	8.792.004	189.281.810
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.779.696.741</b>	<b>26.535.194</b>	<b>10.730.026</b>	<b>1.816.961.961</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	2.302.664.290	-	42.021.978	2.344.686.268
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.148.709.678</b>	<b>1.565.576.442</b>	<b>33.229.974</b>	<b>3.747.516.094</b>

- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ tại ngày 31/12/2025 là 1.565.576.442 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 193.303.696 đồng.

(\*) Là Nhà cửa vật kiến trúc của Công ty đã bàn giao cho Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An quản lý, khai thác, sử dụng (thời hạn 10 năm) theo Nghị quyết số 49/NQ-STBTH ngày 20/12/2023 của Hội đồng quản trị. Theo đó, ngày 31/12/2023, Công ty đã tiến hành bàn giao các tài sản sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nhà làm việc tại địa chỉ số 39 Hai Bà Trưng, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh.
- Nhà làm việc tại địa chỉ số 109 Nguyễn Trung Trực, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất(*)	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	1.410.266.805	156.000.000	1.566.266.805
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.410.266.805</b>	<b>156.000.000</b>	<b>1.566.266.805</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	462.622.059	69.875.000	532.497.059
Khấu hao trong kỳ	28.217.712	19.500.000	47.717.712
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>490.839.771</b>	<b>89.375.000</b>	<b>580.214.771</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	947.644.746	86.125.000	1.033.769.746
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>919.427.034</b>	<b>66.625.000</b>	<b>986.052.034</b>

(\*) Quyền sử dụng 903,3 m2 đất tại Thị trấn Tâm Vu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An thời hạn sử dụng đất đến ngày 10/01/2058. Mục đích: mở cửa hàng sách, thiết bị trường học. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đã thực hiện bàn giao cho Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An (nay là Công ty liên kết) để quản lý, khai thác, sử dụng, (thời hạn bàn giao: 10 năm) theo Nghị quyết số 49/NQ-STBT ngày 20/12/2023 của Hội đồng quản trị.

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
Công trình văn phòng công ty tại 39 Hai bà Trưng	4.545.090.909	99.636.364
<b>Cộng</b>	<b>4.545.090.909</b>	<b>99.636.364</b>

### 15. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tình hình hoạt động	31/12/2025				01/01/2025			
		Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Đang hoạt động	32,52%	995.000	9.950.000.000	(260.265.837)	99,5%	995.000	9.950.000.000	-
<b>Cộng</b>				<b>9.950.000.000</b>	<b>(260.265.837)</b>			<b>9.950.000.000</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ phiếu của Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

Trong năm 2025, Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An đã tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng thành 50 tỷ đồng. Do Công ty không tham gia góp vốn bổ sung nên đã bị giảm tỷ lệ sở hữu vốn từ 99,5% thành 32,5%; Theo đó, kể từ ngày 06/8/2025, Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An chuyển từ con thành công ty liên kết.

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV Ecomdy	3.063.428.713	-
BYPLAY	552.512.000	382.712.500
Công ty TNHH Vận tải Bách Việt	209.693.783	-
Các đối tượng khác	346.429.199	1.669.232.180
<b>Cộng</b>	<b>4.172.063.695</b>	<b>2.051.944.680</b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	523.386.270	6.224.513.270	5.077.934.391	-	1.669.965.149
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.245.750.950	1.245.750.950	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	417.311.910	417.311.910	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	701.933.203	4.934.722.827	1.787.714.109	-	3.848.941.921
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.666.668	80.902.593	59.127.233	-	24.442.028
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	47.869.447	47.869.447	-	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	1.008.070.803	438.666.667	-	569.404.136
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	205.748.000	205.748.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.227.986.141</b>	<b>14.169.889.800</b>	<b>9.285.122.707</b>	<b>-</b>	<b>6.112.753.234</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Thù lao HĐQT và BKS	21.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.000.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2025	01/01/2025
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>

**20. Vay và nợ thuê tài chính**

**a. Ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	2.348.444.569	2.084.000.000	264.444.569
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	2.348.444.569	2.084.000.000	264.444.569
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	-	272.023.024	20.924.848	251.098.176
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	272.023.024	20.924.848	251.098.176
<b>Cộng</b>	-	<b>2.620.467.593</b>	<b>2.104.924.848</b>	<b>515.542.745</b>

**b. Dài hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
<b>Vay dài hạn</b>	-	1.255.490.908	20.924.848	1.234.566.060
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	1.255.490.908	20.924.848	1.234.566.060
<b>Cộng</b>	-	<b>1.255.490.908</b>	<b>20.924.848</b>	<b>1.234.566.060</b>

**Trong đó:**

Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-			251.098.176
---	---	--	--	-------------

<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	-			<b>983.467.884</b>
---	---	--	--	--------------------

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 091225-331537-AUTO-1/HĐ ngày 09/12/2025. Mục đích vay: Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 838/2025/HĐMB/KIAPVĐ-CTLLVA. Thời hạn vay: 60 tháng với lãi suất 5,8%/năm. Tài sản thế chấp: Tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô biển kiểm soát số 30B-883.79 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 29 00170850 do Công An Phường Nghĩa Đô - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 05/12/2025, nhãn hiệu: KIA, số loại: CARNIVAL.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2024	19.999.340.000	363.351.953	179.928.732	3.278.595.524
Tăng trong năm	-	-	78.279.009	2.524.766.330
Giảm trong năm	-	-	-	187.869.621
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>19.999.340.000</b>	<b>363.351.953</b>	<b>258.207.741</b>	<b>5.615.492.233</b>
Số dư tại 01/01/2025	19.999.340.000	363.351.953	258.207.741	5.615.492.233
Tăng trong năm	11.000.660.000	3.595.231.000	-	18.786.249.264
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2025</b>	<b>31.000.000.000</b>	<b>3.958.582.953</b>	<b>258.207.741</b>	<b>24.401.741.497</b>

#### b. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.100.000	1.999.934
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.100.000	1.999.934
- Cổ phiếu phổ thông	3.100.000	1.999.934
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.100.000	1.999.934
- Cổ phiếu phổ thông	3.100.000	1.999.934
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

#### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	5.615.492.233	3.278.595.524
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	18.786.249.264	2.524.766.330
Phân phối lợi nhuận	-	187.869.621
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	-	187.869.621
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	78.279.009
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	109.590.612
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>24.401.741.497</b>	<b>5.615.492.233</b>

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 15/04/2025 quyết định không phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 15/04/2025 quyết định không chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024.

### 22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu mỹ phẩm	128.924.765.732	8.397.020.175
Doanh thu quần áo	2.226.702.628	6.344.819.629
Doanh thu sách giáo khoa và sách tham khảo	-	10.089.944.925
Doanh thu thiết bị giáo dục	-	1.331.892.107
Doanh thu khác	25.000.000	4.571.740.496
<b>Cộng</b>	<b>131.176.468.360</b>	<b>30.735.417.332</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn mỹ phẩm	31.496.768.628	2.880.776.127
Giá vốn quần áo	2.138.287.218	5.916.839.273
Giá vốn sách giáo khoa và sách tham khảo	-	9.990.083.490
Giá vốn thiết bị giáo dục	-	1.302.025.223
Giá vốn khác	25.000.000	4.497.453.979
<b>Cộng</b>	<b>33.660.055.846</b>	<b>24.587.178.092</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	121.381.627	209.832
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.100.000
Lãi bán chứng khoán	-	7.850.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	152.456.115	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	19.337.500
<b>Cộng</b>	<b>273.837.742</b>	<b>29.497.332</b>

### 25. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí lãi vay	3.192.043	-
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	260.265.837	(163.246.370)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	107.447.160	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	36.481.160	-
Lỗ từ bán chứng khoán	-	241.764.979
<b>Cộng</b>	<b>407.386.200</b>	<b>78.518.609</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân công	4.528.755.030	389.713.668
Chi phí khấu hao	182.172.324	178.838.306
Chi phí dịch vụ, hoa hồng môi giới, quảng cáo	61.613.805.713	1.060.908.008
Chi phí khác	4.354.050.203	342.281.723
<b>Cộng</b>	<b>70.678.783.270</b>	<b>1.971.741.705</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân công	1.229.821.800	297.696.528
Các khoản khác	1.510.941.353	485.186.763
<b>Cộng</b>	<b>2.740.763.153</b>	<b>782.883.291</b>

### 27. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Xử lý công nợ nhỏ lẻ và kiểm kê	1.878.274	272.886
Thu nhập thanh lý tài sản	-	10.000.000
Bồi thường vận chuyển	107.870.663	-
Thu nhập khác	9.706.793	20.156.562
<b>Cộng</b>	<b>119.455.730</b>	<b>30.429.448</b>

### 28. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Truy thu thuế, phạt vi phạm hành chính về thuế	361.797.761	44.985.890
Xử lý công nợ nhỏ lẻ và kiểm kê	3.511	28.606
<b>Cộng</b>	<b>361.801.272</b>	<b>45.014.496</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.720.972.091	3.312.480.439
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	952.642.044	289.892.606
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	952.642.044	291.992.606
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	-	2.100.000
Tổng thu nhập chịu thuế	24.673.614.135	3.602.373.045
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.934.722.827</b>	<b>787.714.109</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	4.934.722.827	720.474.609
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	67.239.500

### 30. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.786.249.264	2.524.766.330
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(176.733.643)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	176.733.643
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	18.786.249.264	2.348.032.687
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.053.636	1.999.934
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>9.148</b>	<b>1.174</b>

(\*) Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 có thể thay đổi tùy thuộc vào số liệu trích các quỹ khen thưởng phúc lợi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt sau này.

### 31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân công	5.758.576.830	687.410.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	236.999.522	233.449.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.913.028.718	1.348.578.557
Chi phí khác bằng tiền	1.510.941.353	485.186.763
<b>Cộng</b>	<b>73.419.546.423</b>	<b>2.754.624.996</b>

### 32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh thương mại và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 33. Các cam kết thuê hoạt động

#### a. Mặt bằng tại địa chỉ 39 Hai Bà Trưng, phường Long An, tỉnh Tây Ninh

Thuê 388,2 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 9, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh theo Hợp đồng thuê đất số 582/HĐTĐ ngày 15/08/2005 ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Thời hạn thuê: 30 năm, từ ngày 01/01/1996 đến 01/01/2026; Mục đích sử dụng: sử dụng làm trụ sở làm việc và kho sách; Tiền thuê đất trả hàng năm, giá thuê đất năm 2025 là 109.502 đồng/m<sup>2</sup>/năm. Hiện nay, Công ty đã bàn giao địa điểm này cho Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An (Công ty liên kết) quản lý, khai thác, sử dụng với thời hạn 10 năm (Xem Thuyết minh số 12); Hai bên cũng đang tiến hành thủ tục chuyển quyền thuê đất sang cho Công ty liên kết tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### b. Mặt bằng tại địa chỉ 109 Nguyễn Trung Trực, phường Long An, tỉnh Tây Ninh

Thuê 62,3 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 398, tờ bản đồ số 10, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh theo Hợp đồng thuê đất số 592/HĐTĐ ngày 27/09/2005 ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Thời hạn thuê: 30 năm, từ ngày 18/09/2000 đến 18/09/2030; Mục đích sử dụng: Cửa hàng bán sách và thiết bị giáo dục; Tiền thuê đất trả hàng năm, giá thuê đất năm 2025 là 246.391 đồng/m<sup>2</sup>/năm. Hiện nay, Công ty đã bàn giao địa điểm này cho Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Long An (Công ty liên kết) quản lý, khai thác, sử dụng với thời hạn 10 năm (Xem Thuyết minh số 12); Hai bên cũng đang tiến hành thủ tục chuyển quyền thuê đất sang cho Công ty liên kết tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### c. Mặt bằng tại địa chỉ 121 Bà Triệu, tổ 11, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Công ty thuê toàn bộ 04 tầng dưới cùng (tầng 1, 2, 3, 4) của căn nhà số 121 Bà Triệu, tổ 11, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà ngày 05/12/2024 ký với bà Nguyễn Thị Nga. Thời gian thuê là 3 năm (từ ngày 05/12/2024 đến hết 04/12/2027). Đơn giá thuê: 120.000.000 đồng/tháng, thanh toán 3 tháng/lần. Tiền thuê nhà chưa bao gồm các khoản thuế phí và lệ phí nào khác. Giá thuê sẽ giữ nguyên trong thời gian thuê. Tiền đặt cọc hợp đồng thuê nhà là: 240.000.000 đồng. Hiện nay Công ty sử dụng làm trụ sở Công ty, showroom, cửa hàng kinh doanh thời trang và mỹ phẩm.

#### d. Mặt bằng tại địa chỉ 45 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, TP Hà Nội

Thuê nhà tại địa chỉ 45 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, TP Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà số HĐ01/OC-LVA ngày 22/09/2025 với Công ty TNHH Ocean Capital (bên liên quan). Thời hạn thuê từ 22/9/2025 đến 31/7/2028 với đơn giá cho thuê là 33.000.000 đồng/tháng. Hiện nay Công ty đang sử dụng làm văn phòng và kho.

### 34. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá và giá.

### Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua hàng có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá Công ty đã tìm kiếm nhà cung cấp và đàm phán các hợp đồng với mức giá cả cố định. Công ty cho rằng rủi ro về giá cả hàng hóa trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty từ các khách lẻ thanh toán qua sàn thương mại điện tử, thu COD và thanh toán tại quầy. Do đó Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.172.063.695	-	4.172.063.695
Chi phí phải trả	21.000.000	-	21.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	515.542.745	983.467.884	1.499.010.629
Phải trả khác	-	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.708.606.440</b>	<b>1.013.467.884</b>	<b>5.722.074.324</b>

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.051.944.680	-	2.051.944.680
Phải trả khác	99.750.000	30.000.000	129.750.000
<b>Cộng</b>	<b>2.151.694.680</b>	<b>30.000.000</b>	<b>2.181.694.680</b>

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>31/12/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.493.416.538	-	17.493.416.538
Phải thu khách hàng	1.830.013.120	-	1.830.013.120
Phải thu về cho vay	2.400.000.000	-	2.400.000.000
Phải thu khác	419.841.642	240.000.000	659.841.642
<b>Cộng</b>	<b>22.143.271.300</b>	<b>240.000.000</b>	<b>22.383.271.300</b>
<u>01/01/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.698.008	-	216.698.008
Phải thu khách hàng	1.830.351.152	-	1.830.351.152
Phải thu khác	31.931.692	-	31.931.692
<b>Cộng</b>	<b>2.078.980.852</b>	<b>-</b>	<b>2.078.980.852</b>

**35. Các bên liên quan**

**a. Thông tin về bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons	Công ty con đã chuyển thành Công ty liên kết Người đại diện pháp luật của Intercons có quan hệ gia đình với ông Trần Việt Thắng (Thành viên HĐQT)
Công ty TNHH Ocean Capital	Người đại diện pháp luật của Ocean Capital là Ông Trương Thanh Minh (chủ tịch HĐQT)

**b. Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ**

	<u>Giao dịch</u>	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Bán hàng hóa	-	14.836.476.019
	Bán tài sản cố định	-	1.005.789.622
	Bán công cụ dụng cụ	-	116.094.348
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Intercons	Ứng tiền xây dựng	-	4.890.000.000
	Mua dịch vụ	4.445.454.545	-
Công ty TNHH Ocean Capital	Mua hàng hóa	25.325.242.626	4.963.075.000
	Thuê văn phòng (*)	99.000.000	-

(\*) Xem tại mục d của Thuyết minh số 33.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 36. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan				Năm 2025	Năm 2024
Ông Trương Thanh Minh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20/05/2024	Thù lao	48.000.000	-
Bà Lê Văn Anh	Thành viên HĐQT		Thù lao	24.000.000	-
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT		Thù lao	24.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Ngôi	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	6.000.000
	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/03/2024	Lương, thưởng	-	48.190.075
Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 12/11/2024	Thù lao	-	12.000.000
Bà Bùi Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	24.000.000	-
Bà Phan Thị Diệu Hằng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	18.000.000	-
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	24.000.000	-
Bà Đào Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	24.000.000	-
	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024	Lương, thưởng	204.331.040	50.000.000
Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	24.000.000	-
Ông Cao Văn Bằng	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	18.000.000	-
Ông Đồng Hải Nam	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	4.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	12.000.000	-
Bà Tống Thị Thanh Nga	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	12.000.000	-
Ông Trần Minh Đức	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	3.000.000
Ông Ngô Văn Minh	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 30/03/2024	Thù lao	-	3.000.000
Ông Bùi Văn Huỳnh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/09/2024	Lương, thưởng	-	14.974.826
Bà Lê Thị Minh Trang	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/09/2024	Lương, thưởng	-	12.223.919
Bà Nguyễn Minh Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 19/01/2024	Lương, thưởng	-	-
Bà Phạm Thị Thu Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24/06/2024	Lương, thưởng	181.041.039	40.000.000
Bà Trần Thị Thủy Linh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/03/2024	Lương, thưởng	-	43.119.816

### 37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.



Chủ tịch HĐQT

Trương Thanh Minh

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Phương

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Phương